

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



LÊ THƯƠNG ĐẠI

PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU TƯ VỐN NHÀ NƯỚC
VÀO DOANH NGHIỆP

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 838 0107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

KONTUM - NĂM 2020

Công trình được hình thành tại:
Trường Đại học Luật Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Lê Thị Thảo**

Phản biện 1:.....

Phản biện 2:.....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ
họp tại: Trường Đại học Luật – Đại học Huế vào hồi
giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài.....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	5
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	5
5. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	6
6. Ý nghĩa thực tiễn và khoa học của luận văn	6
7. Bố cục Luận văn.....	7
Chương 1.MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU TƯ VỐN NHÀ NƯỚC VÀO DOANH NGHIỆP	8
1.1. Khái quát về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.....	8
1.1.1. Khái niệm đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp	8
1.1.2. Đặc điểm của hoạt động đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp	8
1.1.3. Vai trò của đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp	8
1.2. Khái quát pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.....	8
1.2.1. Khái niệm pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.....	8
1.2.2. Các văn bản pháp luật quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp ...	9
1.2.3. Những nội dung cơ bản của pháp luật Việt Nam quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.....	9
1.2.3.1. Thẩm quyền quyết định đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp	9
1.2.3.2. Hình thức và điều kiện đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp.....	9
1.2.3.3. Phân công, phân cấp thực hiện nghĩa vụ.....	10
TIỂU KẾT CHƯƠNG 1.....	10
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU TƯ VỐN NHÀ NƯỚC VÀO DOANH NGHIỆP... 11	11
2.1. Thực trạng pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.....	11
2.1.1. Đánh giá thực trạng pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp	11
2.1.2. Những vướng mắc, bất cập của pháp luật Việt Nam về Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp	12

2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp	12
2.2.1. Về tình hình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp trong thời gian qua	12
2.2.2. Những kết quả đạt được trong việc áp dụng các quy định pháp luật về Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp	13
2.2.3. Những hạn chế, bất cập trong việc áp dụng quy định của pháp luật về ĐTVNN vào DN.....	14
TIÊU KẾT CHƯƠNG 2	14
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ TRONG VIỆC ĐẦU TƯ VỐN NHÀ NƯỚC VÀO DOANH NGHIỆP	15
3.1. Định hướng nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả trong việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.....	15
3.2. Giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả trong việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp	15
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp....	15
3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả trong việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp	16
TIÊU KẾT CHƯƠNG 3	17
KẾT LUẬN	18
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	19

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế và phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay, việc nâng cao vai trò quản lý của nhà nước ngày càng quan trọng. Bên cạnh các cấp, các ngành đưa ra những chính sách, ban hành ra các văn bản pháp luật để quản lý nền kinh tế, trực tiếp đầu tư vốn vào doanh nghiệp, thị trường cũng là một trong những chính sách quan trọng để nhà nước thực hiện chức năng quản lý kinh tế của mình, trong đó đặc biệt chú trọng đến các hoạt động đầu tư vốn nhà nước vào các doanh nghiệp.

Có thể thấy, doanh nghiệp là công cụ thực hiện chính sách công nghiệp hóa, chuyên đổi cơ cấu kinh tế lên bước phát triển cao hơn, giá trị gia tăng cao hơn. Ngoài ra, kinh tế nhà nước, bao gồm doanh nghiệp, giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, nên doanh nghiệp vẫn luôn luôn được coi là xương sống của nền kinh tế. Với vị trí và vai trò quan trọng, các doanh nghiệp nhà nước luôn nhận được sự ưu ái về vốn đầu tư để thực hiện các hoạt động kinh doanh nhằm giữ vững vai trò tiên phong về mặt kinh tế cũng như chính trị, xã hội. Tuy nhiên trên thực tế hoạt động của các doanh nghiệp được đầu tư vốn bởi nhà nước trong thời gian qua có nhiều bất cập, không phù hợp với thực tiễn và không mang lại hiệu quả trong việc quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

Đầu tư vốn nhà nước vào các tổ chức kinh tế luôn có một vai trò và ý nghĩa hết sức đặc biệt quan trọng trong việc điều tiết cung cầu, ổn định giá cả, bảo đảm sự phát triển của đất nước. Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp nhằm tạo ra ngành, lĩnh vực cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội, đảm bảo phục vụ quốc phòng, an ninh, thực hiện việc điều tiết nền kinh tế và ổn định hơn nền kinh tế vĩ mô mang tính chiến lược trong từng giai đoạn. DN có sự đầu tư của nhà nước luôn có số vốn điều lệ khá lớn và nắm giữ những ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế nước nhà.

Trong những năm qua, việc đặt ra những chủ trương, yêu cầu của nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã có những thay đổi lớn trong hoạt động đầu tư của nhà nước, từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật, xây dựng các văn bản pháp luật để điều chỉnh vấn đề này. Tuy nhiên, qua một thời gian áp dụng, các quy định đã nảy sinh nhiều bất cập làm ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý của cấp có thẩm quyền và hiệu quả hoạt động của các DN mà Nhà nước đầu tư vốn. Đặc biệt, thời gian gần đây xã hội đang rất quan tâm đến tình hình kinh doanh thua lỗ của các tập đoàn, tổng Công ty nhà nước. Tình trạng ĐTVNN một cách dàn trải, lãng phí, không đạt được hiệu quả làm cho thất thoát một lượng lớn ngân sách nhà nước đang đặt ra nhiều vấn đề để giải quyết.

Dễ dàng thấy thực trạng này xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân do pháp luật điều chỉnh hoạt động này vừa “thiếu” vừa “yếu”, chưa tạo ra hành lang pháp lý vững chắc cho việc quản lý hoạt động ĐTVNN vào các DN ở Việt Nam. Các văn bản pháp luật điều chỉnh về ĐTVNN vào DN ban hành còn chậm, một số nội dung trong các văn bản chưa thực sự phù hợp với tình hình hiện nay. Đồng thời, hàng loạt các sai phạm bị phanh phui trong các vụ

việc về ĐTVNN vào DN đã bộc lộ nhiều vấn đề nổi cộm như: công tác quản lý hoạt động đầu tư còn yếu kém; chưa có sự quan tâm thích đáng đến công tác giám sát tài chính của các DN có vốn đầu tư nhà nước... làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế quốc gia. Chính vì vậy, để nâng cao hiệu quả của hoạt động ĐTVNN vào DN Việt Nam, đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ các giải pháp, trong đó việc hoàn thiện các quy định của pháp luật tạo ra cơ chế pháp lý hiệu quả.

Những yếu kém trong quản lý vốn đầu tư của Nhà nước tại các DN có thể kể đến những sai phạm của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Tổng công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị (HUD),... và đặc biệt là Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt (Vinashin) và Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines).

Xét về phương diện pháp luật thực định, thì hiện nay ĐTVNN vào DN Việt Nam được điều chỉnh bởi nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, cụ thể: Luật Đầu tư 2014, Luật số 69/2014/QH13 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Nghị định số 99/2012/ NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu Nhà nước đối với DNNN và vốn Nhà nước đầu tư vào DN; Nghị định số 71/2013/NĐ-CP về ĐTVNN vào DN và quản lý tài chính đối với Dn do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ... Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đã từng bước điều chỉnh những vấn đề cơ bản của hoạt động ĐTVNN song vẫn còn nhiều khoảng trống và bất cập. Nhiều vấn đề chưa được quy định thống nhất, hợp lý hoặc chưa phù hợp về mặt lý luận cũng như chưa đáp ứng được thực tiễn và hiệu quả điều chỉnh chưa cao. Chính vì vậy, vấn đề nghiên cứu một cách thấu đáo pháp luật về ĐTVNN vào các DN nhằm đánh giá thực trạng pháp luật về lĩnh vực này, để đưa ra những kiến nghị cũng như biện pháp khắc phục nhằm góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước.

Vì thế, vấn đề ĐTVNN vào DN rất quan trọng và đòi hỏi phải sớm nghiên cứu, hoàn thiện các quy định pháp luật một cách khoa học, toàn diện và chặt chẽ để hạn chế những sai phạm. Do đó, tác giả chọn đề tài: ***“Pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp”*** làm đề tài luận văn Thạc sỹ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Liên quan đến đề tài Luận văn, đã có một số bài viết và một số công trình nghiên cứu ở những cấp độ khác nhau liên quan đến đề tài như luận văn, luận án, các bài báo tạp chí chuyên ngành Luật có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến đề tài nghiên cứu, một trong những công trình tiêu biểu có thể lược qua như:

- *Nhóm các công trình nghiên cứu về vốn trong doanh nghiệp nhà nước:*

“Đề tài KX04.09/06-10, giai đoạn 2006-2010 - Vấn đề sở hữu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nguyễn Kế Tuấn (2010), đã làm rõ những vấn đề lý luận về bản chất và đặc trưng của vấn đề sở hữu trong nền kinh tế thị trường nói chung và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam;

Cuốn sách “*Doanh nghiệp có vốn đầu tư Nhà nước- pháp luật điều chỉnh và mô hình chủ sở hữu theo kinh nghiệm quốc tế*” của Trần Tiến Cường (2005) đã giới thiệu kết quả nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và pháp luật điều chỉnh đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nhà nước và việc thực hiện quyền CSH nhà nước ở một số nước gồm các nước kinh tế thị trường lâu đời (Thụy Điển, Phần Lan, Niu-di-lân), các nền kinh tế mới ở Châu Á (Hàn Quốc, Sing-ga-po), nước chuyển đổi ở Đông Âu (Hung-ga-ri), nước có điều kiện kinh tế xã hội có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam (Trung Quốc).

Cuốn sách “*Đổi mới mô hình đại diện đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước: Lý luận, kinh nghiệm quốc tế và ứng dụng vào Việt Nam*” của do Nguyễn Đình Cung, Bùi Văn Dũng (2013) đã cung cấp những thông tin về cơ sở khoa học và thực tiễn của việc đổi mới mô hình tổ chức thực hiện chức năng CSH Nhà nước đối với DNNN theo hướng tách chức năng CSH Nhà nước với chức năng quản lý Nhà nước của một số quốc gia và Việt Nam.

- *Nhóm các công trình nghiên cứu về quản lý vốn đầu tư vốn trong doanh nghiệp:*

Luận văn của Nguyễn Hồng Thắng cơ sở đào tạo Học viện tài chính về đề tài “*Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa DNNN (nghiên cứu vận dụng tại Nhà máy Len Hà Đông)*”, năm 2010. Những thành công của đề tài này là làm rõ được những vấn đề lý luận cơ bản về doanh nghiệp sau cổ phần hóa DNNN, vốn nhà nước và quản lý vốn nhà nước tại các doanh nghiệp sau cổ phần hóa. Luận văn cũng đã đánh giá đúng thực trạng quản lý vốn DNNN trong thời gian qua ở Việt Nam. Tuy nhiên, có thể nhận thấy rằng tác giả luận văn chủ yếu chỉ đưa ra các giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả quản lý vốn nhà nước tại các doanh nghiệp sau cổ phần hóa, chưa đặt vấn đề về quản lý vốn nhà nước của các DNNN, mà tại đó Nhà nước vẫn nắm giữ 100% vốn nhà nước;

Luận án tiến sĩ: “*Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp sau cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước*”, tác giả Nguyễn Thị Thu Hương, năm 2009, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ chí Minh. Với nội dung đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm quản lý có hiệu quả vốn nhà nước tại các doanh nghiệp sau cổ phần hóa DNNN.

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ năm 2009 của Bộ Tài chính do PGS.TS. Nguyễn Đăng Nam làm chủ nhiệm đề tài “*Chính sách và cơ chế quản lý vốn nhà nước tại các doanh nghiệp giai đoạn đến 2020*”, tuy nhiên đề tài nghiên cứu khoa học mới chỉ đề cập chính sách quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp trên góc độ quản lý nhà nước mà không nghiên cứu trên góc độ quản lý của chủ sở hữu.

Luận án “*Cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp ở Việt Nam*” của Phạm Thị Thanh Hòa (2010), Học viện Tài chính đã tập trung nghiên cứu thực trạng cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp ở Việt Nam trong giai đoạn 2001- 2010 trên góc độ CSH nhà nước với các khía cạnh: Cơ chế đầu tư vốn, cơ chế 18 quản lý sử dụng vốn, cơ chế phân phối lợi nhuận sau thuế, cơ chế giám sát việc đầu tư, sử dụng vốn và hình thức thực hiện quyền CSH nhà

nước tại doanh nghiệp. Từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

Luận án “*Quản lý vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*” của Nguyễn Thị Kim Đoàn (2016), Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh đã đưa ra khái niệm, nội dung quản lý vốn nhà nước tại các DNNN, nhân tố ảnh hưởng đến quản lý vốn nhà nước tại các DNNN.

“*Dự án Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh của Chính phủ trình Quốc hội khóa XIII, tại kỳ họp thứ 8*” (2014) bao gồm: Báo cáo kinh nghiệm quốc tế về đầu tư và quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Báo cáo phân tích, đánh giá thực trạng cơ chế, chính sách và hoạt động của DNNN; Báo cáo đánh giá tác động Dự án luật Đầu tư và quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Tờ trình về Dự án Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh, số 156/TTr-CP, ngày 20-5-2014 của Chính phủ; Báo cáo thẩm tra về Dự án luật Đầu tư và quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, số 1892/BC-UBKT13, ngày 21/5/2014 của Ủy ban Kinh tế của Quốc hội; Báo cáo tiếp thu, chỉnh lý, giải trình Dự án Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh, số 794/BC-UBTVQH13, ngày 24/11/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội... là nguồn tư liệu tham khảo phong phú cho luận án.

- *Nhóm các công trình nghiên cứu về giám sát về vốn nhà nước trong doanh nghiệp:*

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ năm 2012, Học viện Tài chính, Bộ Tài chính “*Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý vốn nhà nước đầu tư tại các tập đoàn kinh tế Việt Nam hiện nay*” của Đỗ Thị Thục, Nguyễn Thị Thu Hương (2012) đã tập trung nghiên cứu thực trạng cơ chế, chính sách; tổ chức bộ máy quản lý vốn nhà nước; công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn nhà nước và đánh giá hiệu quả sử dụng vốn nhà nước của các tập đoàn kinh tế trong thời gian vừa qua, nhằm đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý vốn nhà nước đầu tư tại các tập đoàn kinh tế ở Việt Nam.

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ “*Giám sát tài chính của Nhà nước đối với DNNN và doanh nghiệp có vốn đầu tư nhà nước tại Việt Nam: Hiện trạng và giải pháp hoàn thiện*” của Bùi Văn Vân, Đặng Quyết Tiến (2015), Bộ Tài chính đã tập trung nghiên cứu thực trạng giám sát tài chính của nhà nước đối với DNNN và doanh nghiệp có vốn đầu tư nhà nước nhằm đưa ra các giải pháp hoàn thiện khung khổ pháp lý, tổ chức bộ máy và hệ thống công cụ hỗ trợ giám sát tài chính.

“*Bàn về việc thực hiện quyền chủ sở hữu tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước*” của Nguyễn Thị Thà (2016); “*Kinh nghiệp quốc tế về đầu tư, quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và bài học đối với Việt Nam*” của Trần Tiến Cường (2016) là nguồn tài liệu tham khảo quý giá trong quá trình nghiên cứu luận văn này.

Như vậy, các nghiên cứu về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp đã được thực hiện trong thời gian qua. Tuy nhiên, các nghiên cứu điển hình nêu trên mới chỉ tiếp cận dưới góc độ kinh tế về quản lý vốn, hoặc trong phạm vi

một doanh nghiệp cụ thể. Vì vậy, chưa khái quát được một bức tranh toàn cảnh về hoạt động đầu tư vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp ở Việt Nam, cũng như chính sách pháp luật về đầu tư vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp ở Việt Nam, điều đó dẫn đến việc thiếu các căn cứ quan trọng để Chính phủ Việt Nam thiết lập khuôn khổ chính sách để thực hiện hiệu quả hoạt động đầu tư vốn nhà nước vào các doanh nghiệp. Vì vậy, đề tài Luận văn cho đến thời điểm nghiên cứu tác giả chưa thấy có nghiên cứu tổng thể, toàn diện về đầu tư vốn nhà nước vào các doanh nghiệp. Đề tài được thực hiện trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc và kế thừa các kết quả nghiên cứu của các công trình đã nghiên cứu.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của đề tài nhằm đề xuất giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về ĐTVNN vào doanh nghiệp cũng như đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về ĐTVNN vào doanh nghiệp.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích đặt ra, tác giả thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận về ĐTVNN vào doanh nghiệp
- Nghiên cứu những vấn đề lý luận pháp luật về ĐTVNN vào doanh nghiệp
- Nghiên cứu quy định pháp luật về ĐTVNN vào doanh nghiệp, đánh giá thực trạng pháp luật về ĐTVNN vào doanh nghiệp
- Phân tích, đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về ĐTVNN vào doanh nghiệp. Đánh giá những bất cập trong thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về vấn đề ĐTVNN vào doanh nghiệp.
- Đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của pháp luật về ĐTVNN vào doanh nghiệp.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu quan điểm đường lối về chính sách đầu tư của nhà nước vào doanh nghiệp, các quy định của pháp luật về ĐTVNN vào DN được quy định tại Luật đầu tư 2014, Luật số 69/2014/QH13 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp sửa đổi bổ sung NĐ 91/NĐ-CP, các văn bản liên quan như: NĐ 71/2013/NĐ-CP, Thông tư 59/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 7 năm 2018...

Nghiên cứu thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về ĐTVNN vào DN đó là những hạn chế, bất cập trong quá trình áp dụng các quy định của pháp luật về ĐTVNN vào DN trong quá trình hoạt động của các DN.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về mặt lý luận: Đề tài nghiên cứu các quy định của pháp luật về ĐTVNN vào DN được quy định trong Luật đầu tư 2014, Luật số 69/2014/QH13 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và NĐ

99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ hướng dẫn về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào DN.

Về mặt thực tiễn: Nghiên cứu thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về ĐTVNN vào DN. Trên cơ sở đó tìm ra các vướng mắc, bất cập trong quá trình áp dụng các quy định của pháp luật trong quá trình ĐTVNN để đưa ra một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của pháp luật.

Thời gian: Từ 2015- 2019

Địa bàn: Cả nước

5. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Để giải quyết các yêu cầu mà đề tài đặt ra, trong quá trình nghiên cứu luận văn đã sử dụng các phương pháp luận nghiên cứu chủ yếu là phương pháp nghiên cứu khoa học biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng thời vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề ĐTVNN vào các doanh nghiệp.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thiện luận văn, các phương pháp nghiên cứu tổng hợp dưới đây cũng được sử dụng như: phương pháp kết hợp lý luận với thực tiễn, hệ thống hóa, phương pháp thống kê, phương pháp phân tích và tổng hợp, luận giải và phương pháp so sánh luật học.

Luận văn đã sử dụng các phương pháp cụ thể:

Phương pháp phân tích, tổng hợp nhằm làm sáng tỏ những vấn đề lý luận cơ bản về ĐTVNN vào doanh nghiệp.

Phương pháp thống kê để thấy được số lượng, hiện trạng và vai trò của ĐTVNN trong nền kinh tế.

Phương pháp so sánh giữa các quy định của pháp luật về ĐTVNN vào DN theo các văn bản cũ và mới, quy định của pháp luật Việt Nam với pháp luật các nước về ĐTVNN vào DN.

6. Ý nghĩa thực tiễn và khoa học của luận văn

Về phương diện lý luận: Luận văn góp phần củng cố và đưa ra một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về ĐTVNN vào doanh nghiệp.

Về phương diện thực tiễn: Luận văn cũng là tài liệu tham khảo cho cơ quan chức năng khi xem xét các quy định về ĐTVNN vào doanh nghiệp. Những kết quả nghiên cứu của luận văn có giá trị tham khảo cho các cơ quan hữu quan, các doanh nghiệp trong quá trình hoàn thiện và thực hiện pháp luật về ĐTVNN vào doanh nghiệp. Luận văn cũng có thể được sử dụng như một tài liệu tham khảo trong công tác giảng dạy, nghiên cứu

pháp luật, cũng như cho bất cứ ai có quan tâm đến ĐTVNN vào doanh nghiệp.

7. Bộ cục Luận văn

Ngoài lời nói đầu và kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn có bộ cục gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về pháp luật đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp

Chương 3: Định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp ở Việt Nam.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU TƯ VỐN NHÀ NƯỚC VÀO DOANH NGHIỆP

1.1. Khái quát về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp

“Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp là việc một cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định bỏ vốn nhà nước, bao gồm vốn đầu tư trực tiếp từ ngân sách nhà nước, các quỹ tập trung của Nhà nước khi thành lập doanh nghiệp và bổ sung trong quá trình hoạt động kinh doanh; các khoản phải nộp ngân sách được trích để lại; nguồn Quỹ đầu tư phát triển tại doanh nghiệp; Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp; vốn nhà nước được tiếp nhận từ nơi khác chuyển đến; giá trị quyền sử dụng đất, vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh; vốn vay được bảo đảm bằng tài sản của Nhà nước; vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước; quyền sử dụng tài nguyên Quốc gia được Nhà nước giao và ghi tăng vốn nhà nước cho doanh nghiệp; các tài sản khác theo quy định của pháp luật được Nhà nước giao cho doanh nghiệp để tiến hành sản xuất, kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư 2014 và các quy định của pháp luật có liên quan”.

1.1.2. Đặc điểm của hoạt động đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp

Thứ nhất, nhà nước đầu tư vào các DN đa ngành, đa lĩnh vực

Thứ hai, đầu tư vào các ngành, lĩnh vực then chốt

Thứ ba, nhà nước đầu tư vào DN với quy mô lớn về vốn

1.1.3. Vai trò của đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp

Thứ nhất, ĐTVNN để thành lập mới các DN hoặc mở rộng sản xuất, kinh doanh giúp huy động được nguồn lực vật chất, lao động và vốn trong xã tạo ra sự hỗ trợ trong việc cải tổ cơ cấu sản xuất, hình thành những DN hiện đại, quy mô, có tiềm lực lớn.

Thứ hai, việc ĐTVNN vào các DN giúp nhà nước điều chỉnh vĩ mô nền kinh tế trên các lĩnh vực tài chính, giá cả, đầu tư,...

Thứ ba, ĐTVNN vào DN giúp duy trì nhịp độ phát triển cao và ổn định cho nền kinh tế, mở rộng nền kinh tế, mở rộng xuất khẩu, tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

Thứ tư, ĐTVNN vào các dự án quan trọng có ý nghĩa cực kỳ lớn trong việc bảo đảm an ninh quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc và khẳng định chủ quyền quốc gia, bảo đảm an ninh năng lượng, an ninh lương thực, bảo vệ môi trường. Đồng thời, là lực lượng chủ lực cùng Nhà nước thực hiện các chương trình an sinh xã hội vì cộng đồng.

1.2. Khái quát pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp

1.2.1. Khái niệm pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp

Pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp là tập hợp hệ thống các quy phạm pháp luật quy định về cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định bỏ vốn nhà nước, các tài sản khác theo quy định của pháp luật được Nhà nước giao

cho doanh nghiệp để tiến hành sản xuất, kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư 2014 và các quy định của pháp luật có liên quan.

Như vậy pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp bao gồm các nhóm quy phạm pháp luật sau:

- Nhóm quy phạm pháp luật quy định về thẩm quyền của cơ quan trong việc quyết định đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.

- Nhóm quy phạm pháp luật quy định về phân công, phân cấp nhiệm vụ chủ sở hữu vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

- Nhóm quy phạm quy định về các hình thức và điều kiện đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.

- Nhóm quy phạm quy định về quản lý vốn đầu tư nhà nước vào doanh nghiệp.

1.2.2. Các văn bản pháp luật quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp

ĐTVNN vào DN hình thành và phát triển mạnh mẽ trong thời gian qua, đã và đang góp một phần đáng kể vào sự nghiệp phát triển kinh tế đất nước. Đầu tư vốn nhà nước từ trước đến nay vẫn giữ một vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế. Cùng với sự phát triển của hoạt động ĐTVNN thì hệ thống các quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động này cũng được xây dựng và hoàn thiện dần theo từng giai đoạn. Thể hiện ở sự ra đời hàng loạt các văn bản pháp luật điều chỉnh về ĐTVNN vào DN, điều này phần nào thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với hoạt động ĐTVNN. Đồng thời đây cũng là cơ sở pháp lý hết sức quan trọng để điều chỉnh hoạt động ĐTVNN vào DN trong thực tiễn. Việt Nam đã ban hành các văn bản liên quan đến ĐTVNN vào DN như sau: Luật Tổ chức Chính Phủ 2001; Luật tổ chức chính phủ số 76/2015/QH13; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014; Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014; Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014...

Ngoài ra, do tính chất đặc thù của mình, hoạt động ĐTVNN vào DN còn chịu sự điều chỉnh của các quy định của pháp luật khác có liên quan như: Pháp luật hành chính; Pháp luật hình sự; Pháp luật về cán bộ, công chức,...

1.2.3. Những nội dung cơ bản của pháp luật Việt Nam quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp

1.2.3.1. Thẩm quyền quyết định đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp

Một là, thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ

Hai là, thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, Chủ tịch UBND cấp tỉnh

Ngoài các thẩm quyền quyết định quy định ở trên còn quy định Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, và Chủ tịch UBND cấp tỉnh còn phải “chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định phương án mua lại một phần vốn hoặc toàn bộ doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác trình Thủ tướng Chính phủ quyết định”.

1.2.3.2. Hình thức và điều kiện đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp

Thứ nhất, hình thức đầu tư các dự án, công trình tại doanh nghiệp.

Thứ hai, hình thức ĐTVNN để mua lại một phần vốn hoặc toàn bộ DN thuộc các thành phần kinh tế khác để thực hiện điều chỉnh cơ cấu kinh tế.

Thứ ba, hình thức ĐTVNN để thành lập mới DN do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Thứ tư, hình thức đầu tư bổ sung vốn điều lệ đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đang hoạt động

1.2.3.3. Phân công, phân cấp thực hiện nghĩa vụ

Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về “hướng dẫn về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp” được quy định một cách đầy đủ và chi tiết. NĐ 99/2012/NĐ-CP chỉ quy định về phân công, phân cấp thực hiện nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước tại các DN mà nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, bao gồm 5 nghĩa vụ:

1. Nghĩa vụ đầu tư đủ vốn điều lệ;
2. Nghĩa vụ tuân thủ điều lệ công ty;
3. Nghĩa vụ về các khoản nợ và tài sản khác;
4. Nghĩa vụ trong phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay;
5. Nghĩa vụ bảo đảm quyền kinh doanh theo pháp luật của công ty.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 1

Luận văn đã khái quát được những nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, nghiên cứu những vấn đề lý luận về đầu tư vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp như: khái niệm đầu tư vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp; đặc điểm đầu tư vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp; vai trò đầu tư vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp

Thứ hai, nghiên cứu những vấn đề lý luận về pháp luật về đầu tư vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp như: khái niệm pháp luật đầu tư vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp; các văn bản pháp luật về đầu tư vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp; nội dung pháp luật về đầu tư vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp

Trên cơ sở những khái quát mang tính lý luận về đầu tư vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp và pháp luật về đầu tư vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp; tác giả xem nó là tiền đề đi đến nghiên cứu thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp ở Việt Nam trong chương 2 của luận văn.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU TƯ VỐN NHÀ NƯỚC VÀO DOANH NGHIỆP

2.1. Thực trạng pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp

2.1.1. *Đánh giá thực trạng pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp*

Trong thời gian qua, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý vốn nhà nước được ban hành và áp dụng. Nhìn chung chủ sở hữu vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp ngày càng chú trọng tới vấn đề quản lý vốn đầu tư, từ các quy định trong các văn bản Luật Đầu tư, Luật Doanh Nghiệp, Luật Đấu thầu, đến các văn bản dưới luật như Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với DNNN và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp, Nghị định số 71/2013/NĐ-CP của chính phủ ngày 11/07/2013 về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Quyết định số 151/2005/QĐ-TTg ngày 20/06/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước...

Hệ thống các cơ chế chính sách quan trọng này được ban hành đã đáp ứng, phục vụ cho các yêu cầu đổi mới, sắp xếp và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cụ thể:

Thứ nhất, các cơ chế chính sách đã cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng đối với hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, định hướng việc sử dụng vốn nhà nước theo cơ cấu hợp lý, tập trung vào những ngành, lĩnh vực then chốt và địa bàn quan trọng, chiếm thị phần đủ lớn đối với các sản phẩm và dịch vụ chủ yếu.

Thứ hai, đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của nhà nước và của cơ quan chủ sở hữu đối với DNNN thông qua việc hoàn thiện một bước quy định về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp (Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012).

Thứ ba, đổi mới mô hình tổ chức, quản trị, giám sát đối với các tập đoàn, tổng công ty nhà nước; hoàn thiện cơ chế, chính sách về việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể DNNN; cơ chế hoạt động doanh nghiệp công ích.

Thứ tư, đổi mới căn bản cơ chế đầu tư, cơ chế tài chính đối với các DNNN qua đó tiếp tục khẳng định các DNNN hoạt động bình đẳng với các thành phần kinh tế khác; quy định việc quản lý nợ chặt chẽ, hạn chế tối đa sự bao cấp nguồn lực của Nhà nước cho các DNNN; bổ sung quy định đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của ban lãnh đạo và DNNN; tăng cường trách nhiệm giám sát tài chính đối với các DNNN và cơ quan đại diện chủ sở hữu gắn với đầy mạnh công khai, minh bạch thông tin tài chính.

Tuy nhiên hệ thống văn bản này còn bộc lộ những điểm hạn chế, chưa phù hợp với thực tiễn, gây khó khăn trong quá trình áp dụng pháp luật như là, các

văn bản ban hành rải rác chưa thành hệ thống, các văn bản chưa mang tính khái quát, nhiều bất cập trong việc quản lý vốn nhà nước còn chưa có các quy phạm điều chỉnh, dẫn tới lỗ hổng, khó khăn cho cơ quan quản lý, thậm chí gây thất thoát vốn đầu tư ví dụ vấn đề khái niệm vốn nhà nước chưa rõ ràng, việc xác định trùng lặp vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp cũng dẫn đến quyền và trách nhiệm của nhà nước và doanh nghiệp không rõ ràng như mua sắm tài sản cố định, đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp, dự án đầu tư xây dựng cơ bản... của công ty 100% vốn công ty mẹ, công ty mẹ lại 100% vốn nhà nước thì thẩm quyền quyết định lại chủ sở hữu, nhưng chủ sở hữu lại là HĐQT của tổng công ty, tập đoàn, công ty mẹ hay do cơ quan phân cấp thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu. Bên cạnh đó như vấn đề đại diện vốn chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp; quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp, giám sát vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp đều thiếu các quy định và các quy định bất cập trong thực tiễn.

Việc quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp hiện tại vẫn thực hiện theo qui định tại nhiều văn bản như: Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (Luật số 69/2014/QH13), Luật doanh nghiệp năm 2014, Luật Đầu tư 2014, Luật Chứng khoán, Luật Đấu thầu 2013.

2.1.2. Những vướng mắc, bất cập của pháp luật Việt Nam về Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp

Một là, văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động ĐTVNN vào DN ban hành còn chậm trễ, quy định nhiều bất cập.

Hai là, phạm vi đầu tư vốn nhà nước vào các ngành, lĩnh vực then chốt.

Ba là, bất cập trong quy định về điều kiện để đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.

Bốn là, cơ chế giám sát của Quốc hội và các chủ thể liên quan khác đối với hoạt động của DNNN.

Năm là, bất cập trong quy định về quyết định ĐTVNN vào DN cũng như chưa đề cao vai trò của các cơ quan dân cử là Quốc Hội và HĐND cấp tỉnh.

2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp

2.2.1. Về tình hình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp trong thời gian qua

- Về tình hình gửi báo cáo đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp¹

Đến thời điểm ngày 31/12/2018, Bộ Tài chính đã nhận được tổng cộng 70 công văn báo cáo tình hình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và Kế hoạch giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của các cơ quan đại diện chủ sở hữu.

- Về nội dung, mẫu biểu báo cáo và số liệu đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp

¹https://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/btc/r/dn/tcdn6/tnbtcdn6/xlndn_chitiet61?dDocName=MOFUCM164742&afrLoop=56994816822470430#!%40%40%3F_afrLoop%3D56994816822470430%26dDocName%3DMOFUCM164742%26_adf.ctrl-state%3D17r1pc53h0_9

Bộ Tài chính tổng hợp kết quả đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp năm 2016 và 2017 của 170 doanh nghiệp (trong đó có 89 doanh nghiệp thuộc khối Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Trung ương và 81 doanh nghiệp thuộc khối địa phương) có số liệu báo cáo trên cơ sở Báo cáo tình hình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của các cơ quan đại diện chủ sở hữu gửi Bộ Tài chính; Cụ thể như sau:

(i) Về tình hình đầu tư vốn nhà nước để thành lập mới doanh nghiệp nhà nước.

(ii) Về tình hình đầu tư bổ sung vốn điều lệ với doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động.

(iii) Về tình hình đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty TNHH hai thành viên trở lên.

(iv) Về tình hình đầu tư vốn nhà nước để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp.

2.2.2. Những kết quả đạt được trong việc áp dụng các quy định pháp luật về Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp

Một là, tạo nguồn thu nhập lớn cho ngân sách quốc gia. Từ năm 2015 đến nay, những DN có vốn đầu tư của nhà nước gia tăng cả về “số lượng” và “chất lượng”. Trừ một số vụ sai phạm, còn lại các DN có vốn đầu tư nhà nước hằng năm vẫn đóng một số tiền lớn cho ngân sách quốc gia.

Hai là, giải quyết một lượng lớn việc làm cho lực lượng lao động.

Ba là, tăng nhanh năng lực sản xuất, kinh doanh, đóng góp lớn cho việc bảo đảm cung ứng một số sản phẩm hàng hóa, dịch vụ thiết yếu cho nền kinh tế.

Bốn là, Về sự phù hợp của việc đầu tư vốn nhà nước theo mục tiêu và phạm vi đầu tư vốn nhà nước trong năm 2016 và năm 2017: Nhìn chung, theo báo cáo của các cơ quan đại diện chủ sở hữu, các doanh nghiệp được đầu tư bổ sung vốn điều lệ hoặc được đầu tư để thành lập mới về cơ bản đều thuộc đối tượng được bổ sung vốn điều lệ theo Điều 5, Điều 7, Điều 12, Điều 15 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp⁶.

Năm là, Về tính tuân thủ trình tự, thủ tục, theo từng trường hợp cụ thể về thẩm quyền quyết định thành lập doanh nghiệp, thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư vốn nhà nước.

Sáu là, Về nguồn vốn, cân đối kế hoạch nguồn vốn và sử dụng nguồn vốn nhà nước để đầu tư.

Bảy là, Về đánh giá, so sánh chỉ tiêu hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội của doanh nghiệp nhà nước được thành lập giữa thực tế với Đề án: Trong Báo cáo gửi Bộ Tài chính của các cơ quan đại diện chủ sở hữu đều chưa đánh giá vấn đề này, chỉ có một vài địa phương thực hiện đánh giá là Thành phố Hồ Chí Minh, Cà Mau, Đồng Nai, Hậu Giang, Thanh Hoá,...

Tám là, Về đánh giá việc thực hiện quyền và trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu trong việc đầu tư vốn nhà nước theo quy định tại Chương II Nghị định số 91/2015/NĐ-CP: Hầu hết trong Báo cáo gửi Bộ Tài chính của các cơ quan đại diện chủ sở hữu đều chưa đánh giá vấn đề này, chỉ có một vài địa

phương thực hiện đánh giá là Cà Mau, Đồng Nai, Hậu Giang, Thanh Hoá. Theo báo cáo của các cơ quan đại diện chủ sở hữu thì việc thực hiện giám sát, quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp chủ yếu bằng hình thức giám sát trực tiếp (Bộ Quốc phòng, Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Bình Định, Hậu Giang, Nghệ An) và giám sát gián tiếp (các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn lại) là theo dõi, kiểm tra tình hình của doanh nghiệp thông qua các báo cáo tài chính, thống kê và báo cáo khác theo quy định.

2.2.3. Những hạn chế, bất cập trong việc áp dụng quy định của pháp luật về ĐTVNN vào DN

Một là, chưa có sự quan tâm đến công tác giám sát tài chính của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nhà nước.

Hai là, cơ quan nhà nước có thẩm quyền yếu kém trong công tác quản lý hoạt động đầu tư dẫn đến hoạt động yếu kém ở các doanh nghiệp gây ra tình trạng thất thoát tiền của nhà nước.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Nội dung chương 2 của Luận văn, tác giả nghiên cứu làm rõ một số vấn đề sau:

Một là, làm rõ nội dung các quy định của pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp như: quy định về thẩm quyền quyết định đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, quy định, hình thức, điều kiện đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.

Trên cơ sở đó, luận văn nghiên cứu đánh giá thực trạng pháp luật về đầu tư vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp; đánh giá những kết quả đạt được và những hạn chế vướng mắc tồn tại pháp luật về đầu tư vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

Hai là, làm rõ thực tiễn thực hiện pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp. Trong đó tác giả tập trung phân tích tình hình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp trong thời gian qua, một số hạn chế vướng mắc khi áp dụng pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp. Đây là cơ sở quan trọng cho việc nghiên cứu định hướng hoàn thiện pháp luật, đề xuất các giải pháp về mặt pháp luật cũng như thực tiễn trong nội dung chương 3 Luận văn.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ TRONG VIỆC ĐẦU TƯ VỐN NHÀ NƯỚC VÀO DOANH NGHIỆP

3.1. Định hướng nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả trong việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp

Thứ nhất, tạo cơ sở pháp lý cao cho hoạt động đầu tư và quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp trên cơ sở kế thừa những quy định dưới Luật đã ban hành có liên quan đang thực hiện ổn định và có hiệu quả, bổ sung các quy định nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn về quản lý đối với DNNN.

Thứ hai, coi trọng tính đồng bộ của cả hệ thống pháp luật

Thứ ba, phân định quyền hạn và trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước, cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp, đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp trong hoạt động đầu tư và quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm và tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với người quản lý doanh nghiệp.

Thứ tư, khắc phục việc doanh nghiệp sử dụng vốn, tài sản đầu tư vào sản xuất kinh doanh không đúng mục tiêu, chiến lược, đầu tư dàn trải. Tuân thủ nguyên tắc phát triển kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, đảm bảo bình đẳng giữa mọi thành phần kinh tế trước pháp luật, thực hiện công khai, minh bạch và giám sát chặt chẽ mọi hoạt động trong đầu tư và quản lý vốn đã đầu tư của Nhà nước vào doanh nghiệp.

Thứ năm, Sự đổi mới hệ thống cơ chế, chính sách tài chính DN trong thời gian qua đã có sự chuyển biến tích cực theo hướng giảm thiểu can thiệp hành chính của cơ quan quản lý nhà nước gắn với nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của DN trong hoạt động kinh doanh và tài chính. Khuyến khích DN nâng cao chất lượng quản trị, năng lực cạnh tranh, công khai, minh bạch thông tin, thích ứng với điều kiện hội nhập. Với hệ thống cơ chế quản lý, giám sát vốn và tài sản nhà nước tại DN ngày càng được hoàn thiện đã tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện tách chức năng quản lý nhà nước với chức năng điều hành sản xuất kinh doanh của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước. Đổi mới phương thức quản lý vốn nhà nước từ quản lý hành chính sang quan hệ đầu tư, kinh doanh vốn, xác định rõ mối quan hệ giữa chủ sở hữu vốn, người quản lý điều hành DN, tăng cường tính tự chủ cho DN có vốn nhà nước. Vì vậy, bước đầu đã xác lập rõ được quyền và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn nhà nước tại DN. Bên cạnh đó, tạo sự phân công, phân cấp giữa các cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố, Hội đồng quản trị

3.2. Giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả trong việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp

Một là, sớm nghiên cứu điều chỉnh Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh theo hướng: (i) Xác định rõ phạm vi, đối tượng,

mục tiêu, hình thức và thẩm quyền đầu tư vốn nhà nước vào DN. Trong đó, khái niệm vốn nhà nước đầu tư vào DN cũng cần phải làm rõ để đảm bảo yêu cầu quản lý, giám sát của nhà nước, cũng như đảm bảo hoạt động kinh doanh của DN. Do đó, phải xác định rõ khái niệm và phạm vi vốn nhà nước đầu tư vào DN là số vốn nhà nước đầu tư trực tiếp vào công ty mẹ là tập đoàn, tổng công ty hoặc các DN nhà nước độc lập, Nhà nước cần nắm giữ 100% vốn.

Hai là, cần thay đổi một số điều kiện để ĐTVNN vào DN

Ba là, Hoàn thiện phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với DNNN và vốn nhà nước đầu tư vào DN.

Bốn là, cần xây dựng hệ thống kiểm tra, giám sát đủ năng lực và điều kiện về quản lý vốn, tài sản tại các DNNN, trước hết là tại các tập đoàn kinh tế, tổng công ty song song với việc tăng tính trách nhiệm của các cơ quan quản lý.

Năm là, Ban hành văn bản pháp quy nhằm điều chỉnh và quản lý thống nhất hoạt động xúc tiến đầu tư trên cả nước; xây dựng Chiến lược xúc tiến đầu tư điều phối tổng thể các hoạt động xúc tiến ở bình diện quốc gia; xây dựng và công bố danh mục dự án kêu gọi vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giai đoạn 2011-2015 và giai đoạn 2016-2020.

Sáu là, về quản lý sử dụng vốn đầu tư vào doanh nghiệp. Cần ban hành danh mục các lĩnh vực ngành nghề mà doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn để phân loại doanh nghiệp, cần đầu tư một số lĩnh vực, ngành nghề chủ yếu như an ninh quốc phòng, khai thác tài nguyên, chiến lược quan trọng và không có khả năng tái tạo, xây dựng cơ sở hạ tầng quan trọng của nền kinh tế. Ban hành các danh mục sản phẩm độc quyền, ban hành công khai cơ chế quản lý vốn đối với doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực độc quyền.

Bảy là, hoàn thiện quy định pháp luật về cơ cấu nguồn vốn Nhà nước trong DN.

3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả trong việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp

Thứ nhất, Xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích để thu hút các dự án đầu tư hình thành mạng lưới liên kết sản xuất, kinh doanh, các ngành công nghiệp hỗ trợ để hình thành chuỗi giá trị.

Thứ hai, hoàn thiện bộ máy cơ quan quản lý nhà nước về Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.

Thứ ba, các cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cần đứng ra nhận sai phạm của mình. Trong hoạt động của các cơ quan, cá nhân, tổ chức có thẩm quyền không thể tránh khỏi những lúc có sai phạm, trong hoạt động ĐTVNN vào DN cũng vậy. Nhưng sai phạm xảy ra, mà các cá nhân, tổ chức có sẵn sàng đứng ra nhận trách nhiệm để rút ra được kinh nghiệm hay không? Có thể nhận thấy rằng, phần đa ở Việt Nam ta phần lớn khi có sai phạm xảy ra, thì cấp có thẩm quyền tìm mọi cách chối bỏ trách nhiệm. Thiết nghĩ, vấn đề này cần phải khắc phục ngay lập tức, vì chỉ có tự biết lỗi của bản thân thì mới tiến bộ được.

Thứ tư, việc ban hành quy chế quản lý nội bộ của doanh nghiệp:

Thứ năm, thiết lập hệ thống thông tin quản trị minh bạch, thông suốt hệ thống giám sát, hoạt động giám sát từ các bộ phận sản xuất kinh doanh đến ban giám đốc, HĐQT và cơ quan chuyên trách chủ sở hữu. Minh bạch hóa thông tin về vốn nhà nước đầu tư trong các doanh nghiệp.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 3

Nội dung chương 3 tác giả luận văn làm rõ các vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, luận văn nghiên cứu định hướng hoàn thiện pháp luật về đầu tư vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp

Thứ hai, luận văn nghiên cứu giải pháp hoàn thiện pháp luật về đầu tư vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp. Các giải pháp tập trung vào hoàn thiện hệ thống pháp luật quy định về lĩnh vực, danh mục đầu tư, thẩm quyền của các cơ quan, điều kiện, hình thức trong việc quyết định đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.

Thứ ba, luận văn đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về đầu tư vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp thông qua các nhóm giải pháp sau: Nhóm giải pháp xây dựng hệ thống thông tin nội bộ, nhóm giải pháp về cơ chế kiểm soát nội bộ, nhóm giải pháp ban hành và quản lý vốn đầu tư tại các doanh nghiệp và nhóm giải pháp nâng cao trách nhiệm của các bên liên quan trong quyết định và quản lý, giám sát vốn đầu tư vào doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Hoạt động đầu tư vốn nhà nước vào các DN luôn được chú trọng, cùng với đó là việc hoàn thiện các quy định pháp luật về vấn đề này. Nhiều quy định được sửa đổi, ban hành mới đáp ứng yêu cầu điều chỉnh của hoạt động đầu tư vốn nhà nước vào DN gắn liền với quá trình cải cách DN nhà nước nói riêng và khối kinh tế nhà nước nói chung. Tuy nhiên, nhiều vấn đề còn bất cập, đòi hỏi phải được nghiên cứu kỹ lưỡng cả về lý luận cũng như khâu xây dựng pháp luật. Qua quá trình thực hiện đề tài, tác giả đã làm rõ các vấn đề sau:

Thứ nhất, nghiên cứu những vấn đề lý luận về đầu tư vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp

Thứ hai, nghiên cứu những vấn đề lý luận pháp luật về đầu tư vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp

Thứ ba, nghiên cứu quy định pháp luật về đầu tư vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp dưới góc độ pháp luật về chủ thể có thẩm quyền quyết định đầu tư vốn, phương thức, và điều kiện đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp cũng như chỉ ra một số điểm hạn chế, bất cập trong các quy định của pháp luật.

Thứ tư, đánh giá thực trạng pháp luật về đầu tư vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp

Thứ năm, nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật về đầu tư vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp

Thứ sáu, đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật về đầu tư vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp và giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về đầu tư vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp

Với những vấn đề được nêu trong đề tài, tác giả hy vọng sẽ đóng góp được những ý kiến thiết thực góp phần hoàn thiện pháp luật về đầu tư vốn Nhà nước vào các DN ở Việt Nam hiện nay

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2018), Thông tư số 59/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.
2. Bộ Tài chính (2015), Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.
3. Bộ Tài chính (2013), Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Hà Nội.
4. Bộ Tài chính (2014), Quy chế hoạt động của người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 21/2014/TTBTC của Bộ Tài chính ngày 14/2/2014), Hà Nội.
5. Chính phủ (2004), Nghị định số 199/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 ban hành quy chế quản lý tài chính Công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác, Hà Nội.
6. Chính phủ (2005), Nghị định 145/2005/NĐ-CP ngày 21/11/2005 về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 63/2001/NĐ-CP ngày 14/9/2001 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Hà Nội.
7. Chính phủ (2005), Quyết định số 151/2005/QĐ-TTg ngày 20/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước, Hà Nội.
8. Chính phủ (2005), Quyết định số 152/2005/QĐ-TTg ngày 20/6/ 2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều lệ và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước, Hà Nội.
9. Chính phủ (2007), Nghị định 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, Hà Nội.
10. Chính phủ (2007), Quyết định 183/2007/QĐ-TTg ngày 27/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 151/2005/QĐ-TTg ngày 20/06/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước, Hà Nội.
11. Chính phủ (2010), Nghị định 25/2010/NĐ-CP ngày 19/03/2010 về chuyển đổi Công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tổ chức quản lý Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu, Hà Nội.
12. Chính phủ (2011), Quyết định 14/2011/QĐ-TTg ngày 04/03/2011 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước, Hà Nội.
13. Chính phủ (2011), Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 19/03/2010 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, Hà Nội.

14. Chính phủ (2012), Nghị định 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp, Hà Nội.

15. Chính phủ (2013), Nghị định số 183/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hàng không Việt Nam, Hà Nội.

16. Chính phủ (2014), Nghị định số 28/2014/NĐ-CP ngày 10/04/2014 quy định về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, Hà Nội.

17. Chính phủ (2013), Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/06/2013 về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước, Hà Nội.

18. Chính phủ (2013), Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Hà Nội.

19. Chính phủ (2014), Nghị định số 57/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ về điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (sau đây gọi tắt là SCIC), Hà Nội.

20. Chính phủ (2015), Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước, Hà Nội.

21. Chính phủ (2015), Nghị định 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước, Hà Nội.

22. Chính phủ (2015), Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, Hà Nội.

23. Chính phủ (2015), Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp, Hà Nội.

24. Chính phủ (2015), Nghị định số 106/2015/NĐ-CP ngày 23/10/2015 về quản lý người đại diện phần vốn nhà nước giữ các chức danh quản lý tại doanh nghiệp mà nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, Hà Nội.

25. Chính phủ (2016), Dự thảo Nghị định về thực hiện các quyền và trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước, Hà Nội.

26. Chính phủ (2017), Nghị quyết số 97/NQ-CP, ngày 02/10/2017 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 03/6/2017 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 khóa XII về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, Hà Nội.

27. Chính phủ (2015), Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Hà Nội.

28. Chính phủ (2018), Nghị quyết số 09/NQ-CP, ngày 03/02/2018 của Chính phủ về thành lập Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Hà Nội.
29. Công ty cổ phần chứng khoán ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (2014), Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ- Tổng công ty Hàng không Việt Nam, Hà Nội.
30. Nguyễn Đình Cung (2014), "Bán doanh nghiệp nhà nước, ai mua?", <http://www.doanhnhansaigon.vn>, ngày 10/04/2014.
31. Trần Tiến Cường (2005), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nhà nước, pháp luật điều chỉnh và mô hình chủ sở hữu theo kinh nghiệm quốc tế, Nxb Thống kê, Hà Nội.
32. Nguyễn Thị Dung (2009), "Bản chất của cơ chế thực thi quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước", Luật học, (7), (110), tr. 8-13.
33. Nguyễn Đăng Dung, Phạm Hồng Thái, Vũ Công Giao (2011), Tiếp cận thông tin: Pháp Luật và thực tiễn trên thế giới và ở Việt Nam bản quyền, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
34. Phan Thị Thanh Hòa (2010), Cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp ở Việt Nam, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Học viện Tài chính, Hà Nội.
35. Nguyễn Thị Lan Hương (2013), Những vấn đề pháp lý về tài chính doanh nghiệp, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Bùi Văn Huyền (2009), "Doanh nghiệp có vốn đầu tư nhà nước ở Xingapo", Nghiên cứu kinh tế, 11(378), tr. 63-72.
37. Cầm Văn Kinh (2014), "Tập đoàn Cao su lổ: Đề nghị lấy vốn nhà nước giải quyết", <http://tuoitre.vn>, ngày 07/11/2014.
38. Võ Đại Lược (2011), Kinh tế Việt Nam lý luận và thực tiễn, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
39. Quang Minh (2010), "Ai thực hiện quyền chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước", Thời báo kinh tế Sài Gòn, ngày 23/9/2010.
40. Đinh Tuấn Minh, Nguyễn Văn Thịnh, Thuận Nguyễn (2014), "Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước: Còn nguyên mỗi lo quản trị", <http://tuoitre.vn>, ngày 07/11/2014.
41. Quốc hội (2002), Luật Ngân sách nhà nước, Hà Nội.
42. Quốc hội (2003), Luật Hoạt động giám sát của Quốc Hội, Hà Nội.
43. Quốc hội (2005), Luật Đầu tư, Hà Nội.
44. Quốc hội (2005), Luật Doanh nghiệp, Hà Nội.
45. SCIC (2010), Định hướng phát triển giai đoạn 2011- 2015 và tầm nhìn đến năm 2020, Hà Nội.
46. SCIC (2013), "Phát huy hiệu quả mô hình quản lý vốn nhà nước", <http://www.scic.vn>, ngày 17/01/ 2013.
47. Thái Sơn (2014), "Thanh tra Chính phủ đề nghị điều tra sai phạm tại Tập đoàn Công nghiệp cao su", <http://www.thanhnien.com.vn>, ngày 05/11/2014.
48. Đinh Dũng Sỹ (2002), Giáo trình Luật tài chính Việt Nam, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

49. Bùi Văn Tân và Vũ Văn Ninh (2013), Giáo trình Tài chính doanh nghiệp, Nxb Tài chính, Hà Nội.
50. Nguyễn Bích Thủy (2008), "Đề cao trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước", Xây dựng, (6), tr. 1-3.
51. Phạm Doãn Tiên (2014), "Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước: Nhìn từ Bộ Giao thông Vận tải", <http://www.tapchitaichinh.vn>, ngày 14/04/2014.
52. Trường Đại học Luật Hà Nội (2012), Giáo trình Luật ngân sách nhà nước, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
53. Trần Anh Tuấn (2012), "Doanh nghiệp nhà nước thua lỗ: Thất bại của Ban kiểm soát", <http://vef.vn>, ngày 30/05/2012.
54. UNIDO 2013 (2014), "Báo cáo kinh nghiệm quốc tế về quản lý vốn nhà nước", Tài chính, (10), tr. 1-10.
55. Phạm Thị Tường Vân (Chủ biên) (2014), Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam, Nxb Tài chính, Hà Nội.
56. Viện Khoa học pháp lý (2006), Từ điển Luật học, Nxb Từ điển Bách khoa và Nxb Tư pháp, Hà Nội.
57. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương (2014), "Kinh nghiệm quản lý đầu tư, kinh doanh vốn tại một số quốc gia", <http://www.ciem.org.vn>, ngày 13/11/2014.
58. Anh Việt (2014), "SCIC bước sang giai đoạn mới", <http://tinnhanhchungkhoan.vn>, ngày 26/7/2014.